

**ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN**

(Đề thi có 1 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027**MÔN: TOÁN - LỚP 10***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề**Phát hành ngày 29/09/2026*

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: T10.CK1.131**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM****Câu 1.** Cho 5 điểm phân biệt trong mặt phẳng. Số vectơ khác $\vec{0}$ có điểm đầu và điểm cuối thuộc 5 điểm ấy bằng

- A. 10 B. 20 C. 5 D. 25

Câu 2. Tam giác ABC có diện tích 210 cm^2 . Điểm M trên AB thỏa $AM : MB = 4 : 2$ điểm N trên AC thỏa $AN : NC = 1 : 4$. Tính diện tích tam giác AMN theo cm^2 .

- A. 28 B. 140 C. 42 D. 14

Câu 3. Góc $\alpha \in [0^\circ; 180^\circ]$ thỏa $\cos \alpha = -1/10$. Tính $E = \sin \alpha + 5 \tan \alpha$.

- A. $\frac{153\sqrt{11}}{10}$ B. $-\frac{147\sqrt{11}}{10}$ C. $-\frac{153\sqrt{11}}{10}$ D. $\frac{147\sqrt{11}}{10}$

Câu 4. Quy tròn số gần đúng $\bar{a} = 33580$ với độ chính xác $d = 30$, ta được

- A. 33580 B. 33500 C. 34000 D. 33600

Câu 5. Trong mặt phẳng Oxy , cho $A(-3; 6)$ và $B(9; 8)$. Toạ độ trung điểm M của đoạn AB là

- A. $M(2; 4)$ B. $M(6; 14)$ C. $M(3; 7)$ D. $M(12; 2)$

PHẦN II. TỰ LUẬN**Câu 6.** Có 6 mệnh đề sơ cấp độc lập $P_1, P_2, P_3, P_4, P_5, P_6$. Bảng chân trị có bao nhiêu dòng làm $(P_1 \Rightarrow P_2) \wedge (P_2 \Rightarrow P_3) \wedge (P_3 \Rightarrow P_4) \wedge (P_4 \Rightarrow P_5) \wedge (P_5 \Rightarrow P_6) \wedge P_5$ đúng? Giải thích cấu trúc mọi dòng thỏa điều kiện.

.....

.....

.....

Câu 7. Với số thực x , xét $P: "x > 38"$ và $Q: "x^2 > 1444"$. Xét cả hai chiều suy ra, nêu phản ví dụ nếu có và kết luận quan hệ điều kiện giữa P, Q .

.....

.....

.....